

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2017

V/v Ly hôn giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 99/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Yến N, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn 4, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Ngọc T, sinh năm 1992, địa chỉ: Bản Đ, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Yến N trình bày:

Chị và anh Đoàn Ngọc T kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2014, khi kết hôn chị và anh T đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh chị

chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Mỗi khi bất đồng quan điểm anh T lại chửi mắng, đánh đập và đuổi chị ra khỏi nhà. Anh chị sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đoàn Ngọc T. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 26/5/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Đoàn Ngọc T trình bày:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị N về quá trình kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là do anh chị hay cãi cọ nhau nhưng anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Sau lần cãi cọ vào khoảng tháng 6/2016, chị N bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ, anh lên đón cũng không về. Nay chị N có đơn xin ly hôn với anh, anh không nhất trí ly hôn mong muốn Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm cho anh chị.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên quan điểm: Anh không nhất trí ly hôn với chị N do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải giải quyết ly hôn. Anh chị không có con chung. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do hai vợ chồng anh T, chị N không có việc làm và thu nhập ổn định nên vợ chồng thường xuyên có cãi cọ nhau về kinh tế gia đình. Mỗi khi có mâu thuẫn vợ chồng chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chồng lên đón mới về. Đến tháng 6/2016, chị N về ở hẳn nhà ngoại, anh T lên đón không về, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Mâu thuẫn giữa hai vợ

chồng đã không thể hàn gắn được. Chị N, anh T không có con chung. Anh chị sống tại nhà đất của bố mẹ để anh T cũng chưa tạo lập được tài sản chung nào có giá trị.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn chưa có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Yến N. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn Nguyễn Yến N, bị đơn Đoàn Ngọc T để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Yến N và anh Đoàn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, anh chị đã được UBND xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2014 (số 95/2014, quyển số 3/2013), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Anh chị sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T cho

rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không nhất trí ly hôn, anh yêu cầu Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm cho hai bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự và điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh T. Anh T cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng còn có thể hàn gắn được, anh không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn với nhau một thời gian ngắn chị N, anh T đã có mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết ly hôn, anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng không có mặt. Anh chị sống ly thân thời gian đã lâu, bản thân anh T cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị N kiên quyết giữ yêu cầu xin ly hôn. Tình cảm vợ chồng giữa chị N, anh T đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[2.2] *Về con chung*: Chị N và anh T không có con chung.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị N, anh T xác định anh chị không có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị N, anh T không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

[2.5] *Về án phí*: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Yến N và anh Đoàn Ngọc T.

2. Về con chung: Chị N, anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04601 ngày 23 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hà